TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 496/2018/DS-PT
Ngày: 17-5-2018
V/v:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản - chuyển giao quyền yêu cầu".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền

Các Thẩm phán:

1/ Ông Nguyễn Minh Quang

2/ Bà Trần Thị Kim Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo – Cán bộ tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh*:* Ông Đỗ Văn Hiếu – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2018, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản - chuyển giao quyền yêu cầu".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1156/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2850/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Cẩm B** (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 465A Khu phố 8, phường I, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị C** (có mặt)

Địa chỉ: Số 465A Đường M, khu phố 8, phường I, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số 7068 ngày 09/3/2017 của Phòng Công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh)

2. Bị đơn: Ông **Đặng Minh D** (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã N, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số 1122, tỉnh lộ 15, ấp Q, xã P, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Bà **Huỳnh Lê Duy E** (vắng mặt)

Địa chỉ: 51/3A, khu phố 3, phường O, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2/ Bà **Văn Kiều Mộng G** (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp An Bình, xã P, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số 1122, tỉnh lộ 15, ấp Q, xã P, huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn – bà Võ Thị Cẩm B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/10/2016 và bản tự khai ngày 01/10/2016, nguyên đơn – bà Võ Thị Cẩm B trình bày: Do tin tưởng và theo yêu cầu của bà Huỳnh Lê Duy E, bà đồng ý cho ông Đặng Minh D vay số tiền 240.000.000 đồng giúp ông D lúc khó khăn trong công việc. Việc buộc ông D viết giấy nợ, bà B cũng tin tưởng và giao cho bà E đứng tên. Đến thời hạn thanh toán, đã nhiều lần bà B nhắc ông D về khoản nợ trên bằng nhiều cách như gặp trực tiếp, nhờ đơn vị nơi ông D công tác để can thiệp, nhắn tin, gọi điện thoại… nhưng ông D đã viện mọi lý lẽ nhằm tìm mọi cách né tránh nghĩa vụ trả số tiền 240.000.000 đồng cho bà B. Nay căn cứ giấy xác nhận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ giữa bà B với bà E ký ngày 29/9/2015, bà B yêu cầu ông D phải trả số tiền 240.000.000 đồng cho bà B.

Tại các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa ngày 05/01/2018, bà Nguyễn Thị C là người đại diện cho bà B vẫn xác định bà B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông D phải trả cho bà B số tiền 240.000.000 đồng. Bà C cho rằng bà B là người trực tiếp đưa số tiền trên cho ông D vào ngày 06/4/2015 nhưng trong giấy nợ vẫn ghi tên bà Huỳnh Lê Duy E là người cho ông D vay tiền. Sau đó, giữa bà B với bà E có lập giấy xác nhận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ ngày 29/9/2015, theo đó, ông D có nghĩa vụ trả số tiền 240.000.000 đồng cho bà B và bà B giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho ông D, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02244 ngày 08/2/2011.

Tại bản tự khai ngày 27/12/2017, các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Đặng Minh D trình bày: Ông thừa nhận có viết giấy vay của bà Huỳnh

Lê Duy E số tiền 240.000.000 đồng và có giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà E giữ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho ông, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH02244 ngày 08/2/2011.

Đây là giao dịch giữa ông và bà E, không liên quan đến bà Võ Thị Cẩm B. Ông không công nhận giấy xác nhận chuyển giao nợ ngày 29/9/2015 do bà B cung cấp, tài liệu này không có xác nhận về chữ ký của bà E. Ông không được bà E thông báo về việc bà E chuyển giao quyền yêu cầu đòi nợ qua cho bà B. Ông không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn. Số nợ ông vay của bà E là nợ riêng của ông không liên quan đến vợ ông là bà Văn Kiều Mộng G.

Trong trường hợp bà E có yêu cầu trả tiền thì ông sẽ thương lượng với bà E cách thức, thời gian trả tiền, đồng thời bà E phải cung cấp tờ giấy mượn tiền bản chính và sổ đỏ do ông đứng tên.

Ông vay tiền của bà E thì ông sẽ trả tiền cho bà E. Ông vẫn đồng ý trả tiền cho bà B với điều kiện là bà E phải có mặt tại Tòa án và xác nhận đã chuyển giao quyền yêu cầu đòi nợ qua cho bà B.

Ông không có yêu cầu gì đối với bà B.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Cẩm B về việc buộc ông Đặng Minh D phải trả cho bà Võ Thị Cẩm B số tiền 240.000.000 (hai trăm bốn mươi triệu) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Cẩm B phải nộp án phí là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 6.000.000 (sáu triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số: 0005506 ngày 10/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A. Bà B còn phải nộp bổ sung án phí là 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 18/01/2018, nguyên đơn – bà Võ Thị Cẩm B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, không cung cấp chứng cứ mới, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn – bà Nguyễn Thị C trình bày: Giấy xác nhận chuyển giao nợ ngày 29/9/2015 do nguyên đơn cung cấp là hoàn toàn đúng sự thật. Bà E đã chuyển giao quyền yêu cầu đòi nợ cho bà B thể hiện ở việc bà E giao toàn bộ giấy nợ bản chính và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D cho bà B. Đề nghị hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo

hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 240.000.000 đồng.

Bị đơn – ông Đặng Minh D trình bày: ông không vay mượn tiền của bà B. Ông và bà E có mối quan hệ làm ăn và ông có thiếu tiền bà E nên ngày 06/4/2015 ông viết giấy xác nhận nợ bà E 240.000.000 đồng và có giao giấy tờ đất của ông cho bà E giữ. Ông không được bà E thông báo về việc chuyển giao quyền đòi nợ từ bà E sang bà B nên không đồng ý trả nợ cho bà B. Nếu bà E đòi nợ ông thì phải xuất trình bản chính giấy nợ. Ông không có yêu cầu gì đối với bà B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

- Về tố tụng: Từ ngày thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng trình tự thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Ngày 06/4/2015, ông Đặng Minh D có ký Giấy vay tiền của bà Huỳnh Lê Duy E số tiền 240.000.000 đồng, thời hạn vay là từ ngày 06/4/2015 đến 06/8/2015, hai bên không thỏa thuận lãi suất.

Ngày 29/9/2015, bà E làm giấy xác nhận chuyển giao nợ với nội dung trước đây bà E có quen biết và chơi chung với bà Võ Thị Cẩm B. Qua trung gian bà E ngày 06/4/2015 bà B đồng ý cho ông D vay số tiền 240.000.000 đồng và bà E có nói cho ông D biết đây là số tiền của bà B, chỉ cho vay thời hạn 04 tháng phải trả. Để bảo đảm bảo khoản vay trên, ông D đã viết giấy vay tiền và giao cho bà E Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02244 do UBND huyện A cấp ngày 08/02/2011. Nay bà E chuyển giao quyền thu hồi nợ cho bà B trực tiếp liên lạc ông D để nhận lại số tiền nêu trên và có trách nhiệm giao trả lại toàn bộ giấy tờ cho ông D.

Ông D không công nhận Giấy xác nhận chuyển giao nợ ngày 29/9/2015 do bà B cung cấp do ông không được bà E thông báo về việc chuyển giao quyền yêu cầu đòi nợ qua cho bà B. Bà B không cung cấp được văn bản thông báo cho ông D về việc chuyển giao quyền yêu cầu đòi nợ cũng như không chứng minh được tính xác thực của việc chuyển giao quyền yêu cầu. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 309 và khoản 1 Điều 314 của Bộ luật dân sự năm 2005, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp được chứng cứ gì mới.

Bà Huỳnh Lê Duy E được tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ nhưng không đến tòa và cũng không có ý kiến về việc chuyển giao quyền yêu cầu cho bà B.

Ông Đặng Minh D cho rằng ông có trao đổi qua điện thoại với bà E thì bà E cho rằng Giấy vay tiền và Giấy chứng nhận của ông đã bị thất lạc, bà E không nói với ông về việc chuyển giao quyền yêu cầu đòi nợ.

Bởi các lẽ trên: Đề nghị Hội nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Cẩm B.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2018/DSST ngày 08/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn – bà Võ Thị Cẩm B:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, và lời trình bày của các đương sự có cơ sở xác định: Ngày 06/4/2015, bị đơn có ký giấy vay của bà Huỳnh Lê Duy E số tiền 240.000.000 (hai trăm bốn mươi triệu) đồng, thời hạn vay là từ ngày 06/4/2015 đến ngày 06/8/2015, hai bên không thỏa thuận lãi suất.

Xét giấy xác nhận chuyển giao nợ ngày 29/9/2015 do nguyên đơn cung cấp thấy: Giấy xác nhận nợ này có nội dung "Trước đây, bà E có quen biết và chơi chung với bà B. Bà B là vợ của ông Lương Quang T công tác tại Công an phường K, quận H (đã chết). Qua sự trung gian của bà E, ngày 06/4/2015, bà B đồng ý cho ông D vay số tiền 240.000.000 (hai trăm bốn mươi triệu) đồng và bà E có nói cho ông D biết đây là số tiền của bà B, chỉ cho vay thời gian 04 tháng là phải trả. Để đảm bảo khoản vay trên, ông D đã viết giấy tay vay tiền và giao cho bà bằng khoán nhà đất số: CH02244 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp ngày 08/02/2011. Nay bà E chuyển giao quyền thu hồi nợ cho bà B. Bà B trực tiếp liên lạc với ông D để nhận lại số tiền nêu trên và có trách nhiệm giao trả lại toàn bộ giấy tờ cho ông D (hiện nay giấy tờ gồm giấy chứng nhận nhà đất, giấy vay tiền của ông D, bà B đang cất giữ)". Tại phần cuối của văn bản, có chữ ký và họ tên Huỳnh Lê Duy E. Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh chữ viết và chữ ký tại Giấy xác nhận chuyển giao nợ ngày 29/9/2015 do bà E viết và ký tên. Tòa án cũng đã triệu tập bà E đến Tòa án để làm rõ về Giấy xác nhận chuyển giao nợ này nhưng bà E không đến Tòa án. Như vậy, nguyên đơn là người thế quyền không chứng minh về tính xác thực của việc chuyển giao quyền yêu cầu.

Theo nội dung Giấy xác nhận chuyển giao nợ, bà E đã chuyển giao quyền yêu cầu thanh toán nợ vay cho nguyên đơn. Căn cứ Khoản 2 Điều 309 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định *"Người chuyển giao quyền yêu cầu phải báo cho bên có nghĩa vụ biết bằng văn bản về việc chuyển giao quyền yêu cầu. Việc chuyển giao quyền yêu cầu không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ, trừ trường hợp*

có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác", bà E phải thông báo bằng văn bản cho bị đơn về việc chuyển giao quyền yêu cầu cho bà B thì việc chuyển giao mới hoàn tất. Tuy nhiên, bị đơn không thừa nhận việc chuyển giao quyền yêu cầu này vì chưa được bà E thông báo. Nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh bà E đã thông báo cho bị đơn biết về việc chuyển giao quyền.

Căn cứ khoản 1 Điều 314 Bộ luật Dân sự năm 2005*"Trong trường hợp bên có nghĩa vụ không được thông báo về việc chuyển giao quyền yêu cầu hoặc người thế quyền không chứng minh về tính xác thực của việc chuyển giao quyền yêu cầu thì bên có nghĩa vụ có quyền từ chối việc thực hiện nghĩa vụ đối với người thế quyền",* Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là đúng pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình và bị đơn khẳng định bị đơn không được thông báo về việc chuyển giao quyền yêu cầu từ bà E qua nguyên đơn và không đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Cẩm B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2018/DSST ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí Dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Cẩm B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008222 ngày 23/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện A;
- THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu (T/17)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huyền